

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 694/2017/HSPT
Ngày: 28/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Việt Tiên
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 587/HSPT ngày 23/10/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Nghiêm N, Lê Thị Linh P do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 261/2017/HSST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Lê Thị Linh P; giới tính: Nữ; sinh năm 1988, tại tỉnh Đồng Tháp; trú tại: Đường D, Phường K, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp E, Xã H, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm công; con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị H; hoàn cảnh gia đình: Có chồng là Mã Quốc Q và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 03/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Nguyễn Nghiêm N; giới tính: Nam; sinh năm 1993, tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: Đường T, Phường A, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Làm công; con ông Nguyễn Nghiêm X và bà Lê Thị Kim Y; hoàn

cảnh gia đình: Có vợ là Lê Thị Mỹ L và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 03/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người bào chữa:

Ông Võ Đan M, luật sư của Công ty luật G thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nghiêm N và Lê Thị Linh P (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận P và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận P thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 20 giờ 35 phút ngày 20/3/2017, Đội 6 – PC45 Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết hợp với đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Công an Quận P kiểm tra tiệm Massage Minh Quân đường TQB, Phường S, Quận P thì phát hiện bắt quả tang Trịnh Hữu E, Lê Thị Linh P và Nguyễn Nghiêm N tổ chức cho Lê Tổ U bán dâm cho Nguyễn Văn I tại Phòng 201. Vật chứng thu giữ là 07 bao cao su hiệu Fremen (02 bao đã qua sử dụng, 05 bao chưa sử dụng) và số tiền 1.840.000 đồng. Ngoài ra, còn thu giữ của E 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ.

Tại Cơ quan điều tra E, P và N khai nhận như sau: Ngày 13/3/2017 (cách ngày bị bắt quả tang khoảng 01 tuần), E bàn bạc thì được P và N đồng ý tổ chức cho các nhân viên massage nữ bán dâm tại tiệm Massage Minh Quân nhằm mục đích tăng thu nhập của cơ sở. E quy định khi có khách đến massage thì P bán vé giá 80.000 đồng/lượt/1 giờ và 120.000 đồng/lượt/1,5 giờ, N sẽ dẫn khách lên phòng và hỏi khách có nhu cầu mua dâm thì giá trọn gói 800.000 đồng/lần mua dâm, nhưng N đôn giá lên và trực tiếp nhận tiền là 880.000 đồng hoặc 920.000 đồng/khách tùy theo loại vé 80.000 đồng hoặc 120.000 đồng. Khách trả tiền trực tiếp cho N, N xuống quầy đưa tiền lại cho P và báo có khách mua dâm để P sắp xếp nhân viên bán dâm cho khách. Tại tiệm thường xuyên có nhân viên massage kiêm bán dâm tên Lê Tổ U, Nguyễn Ngọc BT, những gái bán dâm ở lại tiệm hàng ngày phải trả tiền điện nước 20.000 đồng/người/ngày, tiền trái cây 30.000 đồng/người/ngày và tiền vệ sinh 50.000 đồng/người/tuần đóng trực tiếp cho P. Cuối ngày, E gặp P nhận tiền và so với danh sách bán dâm để chia tiền cho gái bán dâm. Mỗi lần bán dâm thì gái bán dâm được hưởng 500.000 đồng. E hưởng 300.000 đồng. E lấy số tiền này trả

công cho P 3.000.000 đồng/tháng, N 2.000.000 đồng/tháng. Khoảng 20 giờ ngày 20/3/2017, có 02 khách nam đến tiệm massage mua vé giá 120.000 đồng/vé, sau khi khách mua vé xong N dẫn khách lên Phòng 101 và 201, trên đường đi N hỏi khách có mua dâm không thì cả hai đồng ý, mỗi người trả cho N 800.000 đồng, tổng cộng 1.600.000 đồng, N trở xuống quầy tiếp tân gặp P và đưa cho P 1.600.000 đồng (N hưởng lợi 240.000 đồng) nói có khách mua dâm, P nhận tiền sắp xếp cho U bán dâm cho khách nam tên TM tại phòng 101 và BT bán dâm cho khách nam tên I tại phòng 201 thì bị Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như trên. Mỗi ngày có khoảng 03 đến 04 khách đến mua dâm, có ngày có khách đến mua dâm và có ngày không có.

Từ ngày 13/3/2017 đến khi bị bắt, U khai đã bán dâm tại cơ sở Minh Quân được khoảng 04 lần, BT bán dâm khoảng 03 lần. Lời khai của E phù hợp với lời khai của N, P, U và BT và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ.

Vật chứng: Thu giữ của P số tiền 1.600.000 đồng là tiền của khách đến mua dâm; thu của N 240.000 đồng là tiền N thu của khách mua dâm; thu của E 07 bao cao su (02 bao đã qua sử dụng, 05 bao chưa sử dụng), 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ để liên lạc cá nhân.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 261/2017/HSST ngày 12/9/2017, Tòa án nhân dân Quận P đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Linh P, Nguyễn Nghiêm N phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Linh P 05 (năm) năm tù, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 03/8/2017 là 04 (bốn) tháng 14 (mười bốn) ngày, thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm 07 (bảy) tháng 16 (mười sáu) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nghiêm N 05 (năm) năm tù, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 03/8/2017 là 04 (bốn) tháng 14 (mười bốn) ngày, thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm 07 (bảy) tháng 16 (mười sáu) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/9/2017, bị cáo Lê Thị Linh P và Nguyễn Nghiêm N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo P và N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Căn cứ nội dung vụ án, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định các bị cáo phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt hai bị cáo mức án là 05 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Luật sư Võ Đan M tranh luận bào chữa: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là chưa xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác như các bị cáo phạm tội lần đầu, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Trong vụ án này, hai bị cáo chỉ là người làm thuê, mức độ phạm tội là phụ thuộc, hiện nay hai bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo N mới sinh con, bị cáo P đã ly hôn chồng và đang nuôi con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự xét xử các bị cáo dưới khung hình phạt.

Viện kiểm sát tranh luận đối đáp: Trong vụ án này, khách thể bị xâm phạm là thuần phong mỹ tục nên không thể xác định được thiệt hại cụ thể. Ngoài ra, do khung hình phạt các bị cáo bị truy tố là khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự nên không thể áp dụng điểm g, h khoản 1 Điều 46, Điều 47 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa.

XÉT THẤY:

Các bị cáo và kiểm sát viên đều thống nhất xác định bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không có kháng cáo, kháng nghị về tội danh của các bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo P và N có nhân thân tốt, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đã áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Qua lời bào chữa của luật sư và lời khai của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P và bị cáo N cung cấp thêm nhiều tài liệu chứng minh gia đình các bị cáo có người thân là người có công với cách mạng, cụ thể bà nội bị cáo P là bà mẹ Việt Nam anh hùng, bác ruột bị cáo P là liệt sĩ, chú ruột bị cáo N là liệt sĩ, gia đình còn có nhiều người có công với đất nước nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo P và bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo chỉ là người làm công hưởng lương, mức độ phạm tội có phần hạn chế, hai bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo N mới sinh con, bị cáo P thì đã ly hôn và đang trực tiếp nuôi con, trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt quy định của pháp luật, hiện nay có công việc ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 05 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo có phần nghiêm khắc. Xét thấy bị cáo P và N đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật hình sự 2015 và Nghị quyết hướng dẫn Bộ luật hình sự 2015 để xét xử bị cáo. Xét thấy chỉ cần nhận định và vận dụng các tình tiết có lợi cho bị cáo trong hai nghị quyết trên mà không cần ghi vào phần quyết định của bản án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Linh P, Nguyễn Nghiêm N.

1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 261/2017/HSST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Linh P, Nguyễn Nghiêm N phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Xử phạt bị cáo Lê Thị Linh P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 03/8/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nghiêm N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 03/8/2017.

2. Các bị cáo Lê Thị Linh P, Nguyễn Nghiêm N không phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận P; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- Chi cục THA Quận P; (1)
- Bị cáo; (2)
- TAND Quận P (2)
- Công an Quận P; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình